

Nam Định, ngày 03 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
Trình tại kỳ họp thứ mười một Hội đồng nhân dân tỉnh
khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức giám sát, thẩm tra các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình tại kỳ họp thứ mười một HĐND tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả giám sát, thẩm tra như sau:

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 tỉnh Nam Định

1.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với những đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 trong báo cáo của UBND tỉnh. Tình hình KTXH của tỉnh năm 2019 tiếp tục có bước phát triển so với cùng kỳ và đạt nhiều kết quả quan trọng. Tất cả 18/18 chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch năm trong đó có nhiều chỉ tiêu đã hoàn thành kế hoạch của giai đoạn 2015-2020; tốc độ phát triển kinh tế ước đạt 8,8%; xuất khẩu chậm mốc 2 tỷ USD; thu hút đầu tư đạt kết quả khả quan, số vốn đăng ký tăng gấp 3,5 lần so với năm 2018. Công tác xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Xây dựng nông thôn mới hoàn thành sớm hơn 1,5 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; tỉnh Nam Định vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba và được Thủ tướng Chính phủ công nhận là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Những kết quả đạt được trong năm 2019 tạo cơ sở vững chắc để tỉnh hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, năm 2019 tình hình kinh tế của tỉnh cũng còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế: Tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư một số dự án trọng điểm còn chậm. Việc xử lý các vi phạm về đất đai từ những năm trước còn gặp nhiều khó khăn; một số tồn tại, vi phạm được kiến nghị trong kết luận của Ủy ban kiểm tra Trung ương, Kiểm toán nhà nước và HĐND tỉnh chưa được xử lý kịp thời. Tình trạng ô nhiễm môi trường, an toàn lao động tại một số địa phương, doanh nghiệp còn gây bức xúc trong dư luận. Một số địa phương

chưa làm tốt công tác phòng, chống và hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi, có địa phương còn để xảy ra vi phạm trong công tác hỗ trợ...

1.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm 2015-2020, năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp do đó các cấp, các ngành, các địa phương cần nỗ lực nhiều hơn nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

Ban Kinh tế - Ngân sách đồng tình với những giải pháp được nêu trong báo cáo và đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trọng điểm, sớm khởi công tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định, Nhà máy Nhiệt điện BOT Nam Định I; đưa vào sử dụng cầu Thịnh Long; hoàn thành giai đoạn I dự án xây dựng tỉnh lộ 487B, 488B và tuyến Đường trực phát triển. Hoàn thành các thủ tục điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông đến năm 2040 để tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng KCN Rạng Đông, tháo gỡ vướng mắc đối với KCN Mỹ Trung, sớm hoàn thành thủ tục đầu tư KCN Mỹ Thuận; hoàn thành xây dựng hạ tầng CCN Thịnh Lâm, huyện Giao Thủy; CCN Yên Dương, huyện Ý Yên; CCN Xuân Tiến, huyện Xuân Trường để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Nỗ lực xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư, xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố.

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện đề án xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới kiểu mẫu “sáng - xanh - sạch - đẹp bền vững” ở huyện Hải Hậu; tích cực xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao trên phạm vi toàn tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo đôn đốc chủ đầu tư các dự án cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh sớm hoàn thành dự án nhằm đảm bảo khả năng cung cấp nước sạch để người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

- Chú trọng chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện nghiêm Kết luận số 43 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quản lý đất đai; kiên quyết xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

2. Về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với Báo cáo của UBND tỉnh và thống nhất nhận định: Năm 2019, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của

tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng được tăng cường và đã đạt được một số kết quả như: đã tiến hành 336 cuộc thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực; quyết toán được 50 dự án hoàn thành; thực hiện việc sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

Tuy nhiên, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là: việc quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước, tài sản công tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự hiệu quả; một số công trình, dự án chậm hoàn thành đưa vào sử dụng theo thời gian được duyệt đã làm giảm hiệu quả đầu tư; công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án đầu tư xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu thi công đã ảnh hưởng đến thời gian thực hiện dự án và tăng chi phí đầu tư xây dựng; một số đơn vị chủ đầu tư chưa chấp hành tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong công tác giám sát, nghiệm thu;...

Để công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả, trong thời gian tới, đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo: Nâng cao công tác quản lý, hiệu quả sử dụng tài sản, tài chính công; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai đã được phát hiện từ những năm trước và những trường hợp được kiến nghị trong kết luận của Ủy ban kiểm tra Trung ương, Kiểm toán nhà nước và HĐND tỉnh; nâng cao năng lực thẩm định nhu cầu sử dụng đất của các dự án đầu tư đảm bảo sử dụng đất được tiết kiệm, hiệu quả. Kiên quyết thu hồi để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của các dự án thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh nhưng để lãng phí không đưa đất vào sử dụng và không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án ...

3. Về lĩnh vực ngân sách và đầu tư công

3.1. Về tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2018

- *Về thu ngân sách:* Tổng thu ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2018 là 15.736.172 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018 là 5.280.206 triệu đồng, đạt 123% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Thu nội địa cân đối ngân sách là 4.837.786 triệu đồng, đạt 121% dự toán so với Nghị quyết của HĐND tỉnh giao; các khoản thu từ đất tăng cao.

Tuy nhiên, còn 03 khoản thu không đạt dự toán đều là các khoản thu từ hoạt động kinh tế trên địa bàn, trong đó thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nội địa) hụt thu 165.147 triệu đồng so với dự toán đã làm ảnh hưởng đến cân đối chi thường xuyên. Theo báo cáo của Sở Tài chính, sau khi loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất và các khoản thu điều tiết về NSTW, thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2018 chỉ đạt 96% dự toán do đó đã phải cắt giảm một số khoản chi thường xuyên.

- *Về chi ngân sách:* Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 là 14.495.507 triệu đồng, vượt 127% so dự toán HĐND tỉnh giao chủ yếu do chi đầu tư XDCB

tăng cao, đạt 134% dự toán (trong đó: khối tỉnh đạt 103% dự toán; khối huyện, xã đạt 353% dự toán) chủ yếu bằng nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên và nguồn vốn hỗ trợ các xã, thị trấn tham gia chương trình XD NTM ngân sách tỉnh bổ sung trong năm. Năm 2018, đã thực hiện tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên để điều chỉnh, bổ sung sang chi đầu tư XDCB thực hiện một số dự án quan trọng của tỉnh với số tiền là 380.671 triệu đồng.

Chi ngân sách năm 2018 đã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, tuy nhiên do hụt thu cân đối ngân sách nên một số khoản chi thường xuyên không đạt dự toán; dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh chưa phân bổ cho đơn vị sử dụng ngân sách từ đầu năm còn chiếm tỷ lệ lớn (53%) trong tổng số dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (trong đó có một số khoản chi chưa có căn cứ cụ thể để phân bổ). Việc giải ngân nguồn vốn NSTW hỗ trợ cho người có công về nhà ở đạt tỷ lệ thấp (hết năm 2018 mới giải ngân được 75,5%). Việc sử dụng ngân sách tỉnh để bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới ngoài kế hoạch trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn đã dẫn đến thiếu vốn bố trí cho khối lượng XDCB hoàn thành của các công trình, dự án chuyền tiếp, do đó đã làm phát sinh nợ đọng XDCB.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với những số liệu tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2018 được UBND tỉnh nêu trong báo cáo trình HĐND tỉnh. Các số liệu được tổng hợp và thống nhất giữa Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Cục thuế tỉnh; hệ thống biểu mẫu trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt đảm bảo theo quy định. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn.

3.2. Về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư công năm 2019. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; kế hoạch đầu tư công năm 2020.

a) Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2019

*** Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước**

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019 ước đạt 5.550.000 triệu đồng, bằng 111% so với dự toán và tăng 6% so với cùng kỳ; thu nội địa cân đối ngân sách (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu XSKT) là 3.037.000 triệu đồng đạt 100% so với dự toán. So với dự toán tỉnh giao có 10/14 khoản thu dự kiến hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán; so với cùng kỳ năm 2018 có 6 khoản thu tăng trưởng.

Tuy nhiên, kết quả thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao là do tăng thu tiền sử dụng đất là chủ yếu (vượt 533 tỷ đồng, tăng 35%), số thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế còn thấp; trong 04 khoản thu dự kiến không đạt dự toán, khoản thu quan trọng từ phát triển kinh tế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh không đạt dự toán năm thứ 3 liên tiếp, mặc dù số dự toán giao thu thấp hơn năm trước.

*** Tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước**

Năm 2019, UBND tỉnh đã điều hành chi bám sát dự toán, quản lý ngân sách theo hướng nâng cao kỷ cương, kỷ luật tài chính, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, tăng cường hậu kiểm trong việc giao nhiệm vụ chi được đẩy mạnh; từng bước giao quyền tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp công lập. Chi ngân sách địa phương năm 2019 ước đạt 15.900.000 triệu đồng, bằng 134% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB ước đạt 142% dự toán tỉnh giao chủ yếu do chi đầu tư XDCB năm 2018 chuyển sang chi và quyết toán vào ngân sách năm 2019 với số tiền là 334.596 triệu đồng; tăng thu tiền sử dụng đất, tiết kiệm chi thường xuyên, trung ương bổ sung có mục tiêu...

- Chi thường xuyên ước thực hiện là 9.162.824 triệu đồng (đạt 115% dự toán, tăng 26% so với thực hiện năm 2018). Các khoản chi lớn đều thực hiện vượt dự toán giao đầu năm. Số tăng chi chủ yếu là do NSTW bổ sung kinh phí mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất và thực hiện chế độ chính sách mới phát sinh.

*** Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công**

- Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2019 là 2.320,081 tỷ đồng. Trong đó: Tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành 1.945,581 tỷ đồng; Huyện, thành phố, xã, thị trấn quản lý điều hành 374,5 tỷ đồng. Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công được đảm bảo chặt chẽ, từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư. Dự kiến kết quả giải ngân các nguồn vốn đầu tư công năm 2019 đạt 99% kế hoạch.

- Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung vốn đầu tư XDCB năm 2019 với số tiền là 344.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2019 cho 32 công trình, dự án (gồm: 63.497 triệu đồng bố trí cho 12 công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán; 63.203 triệu đồng bố trí cho 10 công trình hoàn thành chưa quyết toán; 217.300 triệu đồng bố trí cho 10 công trình chuyển tiếp). Trong đó có 19 công trình thuộc khối GĐ-ĐT với tổng số vốn được bố trí là 80 tỷ đồng; 13 công trình thuộc các lĩnh vực khác với số vốn được bố trí là 264 tỷ đồng.

Ban nhất trí với đề xuất của UBND tỉnh về nguyên tắc phân bổ, danh mục các dự án và mức phân bổ vốn cho từng dự án, đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để UBND tỉnh tổ chức thực hiện.

- Đến hết năm 2019, dự kiến vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất phân bổ cho ngân sách tỉnh là 322,5 tỷ đồng; phân bổ cho ngân sách huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn là 1.212,5 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách tỉnh cấp lại cho các huyện từ nguồn thu tiền đấu giá đất khu đô thị thị trấn trung tâm, khu dân cư tập trung do các huyện làm chủ đầu tư là 728 tỷ đồng; cấp lại cho thành phố từ nguồn thu tiền đấu giá đất khu đô thị, khu tái định cư do UBND thành

phố làm chủ đầu tư là 110 tỷ đồng).

b) Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020

* Về dự toán thu ngân sách:

UBND tỉnh xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn dự kiến giao là 5.700.000 triệu đồng, tăng 360.000 triệu đồng (tăng 7%) so với Trung ương giao; thu nội địa dự kiến giao 5.300.000 triệu đồng, tăng 7% so với Trung ương giao (4.940.000 triệu đồng) tập trung vào 4 khoản thu giao tăng từ 5-18% (thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN, thu tiền sử dụng đất; tiền thuê mặt đất mặt nước và thuế BVMT), các khoản thu còn lại giao bằng dự toán trung ương giao và tăng 6% so dự toán 2019 là tương đối phù hợp với khả năng phát triển nguồn thu trên địa bàn trong điều kiện hiện nay. Tuy nhiên, trong tình hình phát triển nguồn thu và thực trạng phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn còn nhiều khó khăn, đặc biệt đối với khoản thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã tạo áp lực rất lớn cho các địa phương, điển hình là huyện Xuân Trường và thành phố Nam Định.

* Về dự toán chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương

- Dự kiến dự toán chi Ngân sách địa phương được điều hành năm 2020 là 13.283.440 triệu đồng (tăng 13% so với năm 2019). Trong đó, dự kiến dự toán (1) chi đầu tư XDCB là 3.956.184 triệu (tăng 28% so với dự toán Trung ương giao), (2) Chi thường xuyên là 8.445.807 triệu đồng (tăng 6% so với dự toán năm 2019) và (3) Chi trả nợ lãi vay bằng số dự toán trung ương giao (600 triệu đồng). Nguyên tắc, căn cứ phân bổ và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020 do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đã bám sát những quy định của Luật NSNN, tuân thủ hướng dẫn của Trung ương và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, đồng thời căn cứ vào khối lượng nhiệm vụ đảm nhiệm và chế độ chi tiêu theo quy định cho từng cơ quan đơn vị.

- Tổng chi cân đối ngân sách tỉnh dự toán 2020 là 6.810.588 triệu đồng, trong đó chi đầu tư phát triển là 3.389.184 triệu đồng, chi thường xuyên là 3.307.508 triệu đồng; còn lại chi trả nợ lãi vay, bổ sung quỹ dự trữ tài chính và dự phòng ngân sách tỉnh là 113.896 triệu đồng. Dự toán chi thường xuyên phân bổ cho từng cơ quan, tổ chức là 1.565.850 triệu đồng; kinh phí chi thường xuyên chưa thực hiện phân bổ cho đơn vị sử dụng ngân sách với tổng số tiền là 1.741.658 triệu đồng do chưa xác định chính thức số lượng, đối tượng chi và một số khoản chi chưa phân bổ hết dự toán từ đầu năm để điều chỉnh, bổ sung trong năm.

Để thực hiện tốt dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện các biện pháp để khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu; chống nợ đọng và thất thu ngân sách.

- Tăng cường công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý chặt chẽ mua sắm tài sản công. Tăng cường giám sát, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch và gắn với trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng NSNN. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới hệ thống tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư cho các dự án, công trình; quản lý chặt chẽ vốn đầu tư XDCB; thường xuyên rà soát các nhiệm vụ chi đầu tư chậm triển khai, chậm giải ngân để kịp thời cắt giảm dự toán, điều chuyển cho các lĩnh vực có hiệu quả hơn. Đẩy nhanh công tác quyết toán vốn đầu tư để bàn giao đưa vào sử dụng, sớm phát huy hiệu quả nguồn vốn. Tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí. Xử lý nghiêm các chủ đầu tư vi phạm theo quy định.

- Đối với những khoản kinh phí phân bổ bổ sung trong năm 2020 hoặc những khoản cần điều chỉnh từ lĩnh vực chi này sang lĩnh vực chi khác, đề nghị HĐND giao UBND lập phương án điều chỉnh, phân bổ bổ sung trình HĐND xem xét, quyết định tại các kỳ họp thường lệ và bất thường.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 do UBND tỉnh trình, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Kế hoạch đầu tư công năm 2020

- Tổng nguồn vốn ngân sách Nhà nước kế hoạch năm 2020 là 3.956,184 tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn ngân sách Trung ương là 1.009,2 tỷ đồng; Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 2.946,984 tỷ đồng, trong đó tỉnh quản lý điều hành 2.379,984 triệu đồng; huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn quản lý điều hành 567.000 triệu đồng.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí vốn cho các dự án theo nguyên tắc:

+ (1) Bố trí đủ vốn hoàn ứng theo chỉ tiêu Chính phủ giao; (2) Đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng các công trình, dự án ODA theo tiến độ thực hiện và Hiệp định đã ký kết; (3) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và lập quy hoạch tỉnh; (4) Bố trí vốn cho các dự án trọng điểm của tỉnh; (5) Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án.

+ Tỷ lệ bố trí vốn cho các dự án phụ thuộc vào khả năng cân đối của từng nguồn vốn và theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) bố trí cho các công trình, dự án đã quyết toán; (2) bố trí cho các công trình, dự án đã hoàn thành; (3) bố trí cho các công trình, dự án chuyển tiếp; (4) dự kiến khởi công mới các công trình, dự án trong khả năng nguồn vốn cho phép.

Dự kiến khởi công mới 02 công trình xây dựng bệnh viện đa khoa 700 giường và dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh với số vốn bối trí là 20,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với kế hoạch đầu tư công năm 2020 trình tại kỳ họp. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo sở, ngành chuyên môn sớm triển khai phổ biến Luật Đầu tư công năm 2019 đến các cơ quan đơn vị có liên quan; quan tâm hướng dẫn HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2021 đảm bảo theo đúng quy định. Tiếp tục nâng cao chất lượng lập và thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo chủ trương đầu tư; có giải pháp tích cực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước của tỉnh Nam Định.

Căn cứ quy định tại Điều 33 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước của tỉnh Nam Định, trong đó:

- Đối với chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế: đề xuất mức chi bằng mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

- Đối với chi tiếp khách trong nước: Đề xuất (1) mức chi bằng với mức tối đa quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC và (2) Đối tượng khách được mời cơm được quy định cụ thể đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với nội dung Đề án, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Về quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm

Nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quy định mức chi cụ thể cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm là cần thiết và đúng quy định.

Các nội dung và mức chi cụ thể nêu trong Đề án (gồm 05 nội dung và mức chi cụ thể để phục vụ công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; 02 nội dung và mức chi cụ thể để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm) được xây dựng căn cứ từ yêu cầu thực tế công việc, khả năng ngân sách và vận dụng chế độ chi được quy định tại một số văn bản pháp luật hiện hành có liên quan (như: Thông tư số 109/2016/TT-BTC, Thông tư 240/2016/TT-BTC, Thông tư 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 41/2018/TT-BYT).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với nội dung Đề án, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Quy hoạch chung xây dựng khu chúc năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định đến năm 2040

Quy hoạch chung xây dựng khu chúc năng phía Nam đô thị Rạng Đông hướng đến xây dựng đô thị Rạng Đông trở thành đô thị công nghiệp, dịch vụ gắn với kinh tế và sinh thái biển, có hệ thống hạ tầng đồng bộ và môi trường phát triển bền vững. Quy hoạch đã xác định các cấu trúc phát triển không gian, không gian chúc năng đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược của toàn đô thị Rạng Đông trong tương lai.

Nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch được xây dựng chi tiết, đảm bảo nội dung theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành, phù hợp với các quy hoạch trên địa bàn. Quy hoạch xây dựng khu chúc năng là điều kiện để phát triển chuyên ngành, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế, làm cơ sở để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với Quy hoạch chung xây dựng khu chúc năng phía nam đô thị Rạng Đông. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo tồn và phát triển rừng phòng hộ; có giải pháp phù hợp để bố trí trồng bù diện tích rừng phòng hộ giảm khi thực hiện quy hoạch và có phương án nâng cấp hệ thống đê điều đáp ứng yêu cầu về phòng chống thiên tai trong phạm vi quy hoạch.

7. Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch chung thành phố Nam Định được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2084/QĐ-TTg ngày 22/11/2011. Việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 để phù hợp với hệ thống các văn bản pháp quy về quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị; phù hợp với định hướng mang tính kết nối vùng tỉnh, phát triển dịch vụ, thương mại, đô thị; phát huy những lợi thế quy hoạch chung và giải quyết những bất cập phát sinh sau 8 năm thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch điều chỉnh giữ nguyên phạm vi và ranh giới lập quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng diện tích khoảng 187,99 km². Đô án điều chỉnh quy hoạch đã định hướng phát triển không gian đô thị thành phố, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đưa ra một số giải pháp để đầu tư phát triển đô thị.

Đô án điều chỉnh Quy hoạch được xây dựng chi tiết, đảm bảo nội dung theo quy định, đã lấy ý kiến của sở ngành, địa phương có liên quan và phù hợp với các quy hoạch khác trên địa bàn.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với việc điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và đề nghị UBND tỉnh hoàn thiện các thủ tục để các Bộ ngành liên quan thẩm định trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

8. Về việc hủy bỏ một số công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua; chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

8.1. Đánh giá kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha sang mục đích khác năm 2019

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác là căn cứ để UBND tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thành phố hàng năm; đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và giải quyết nhu cầu đất ở cho người dân.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về danh mục dự án thu hồi đất và danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa năm 2019 kết quả thấp và còn nhiều hạn chế đó là:

- UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố còn chậm; Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp giải quyết vướng mắc trong giải phóng mặt bằng của các cấp, các ngành chưa kịp thời, chưa kiên quyết, dứt điểm. Một số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua nhưng do chưa phù hợp với danh mục dự án sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 của các huyện, thành phố hoặc quy hoạch xây dựng Nông thôn mới, quy hoạch xây dựng khác... nên phải làm thủ tục điều chỉnh, bổ sung; quy trình thực hiện các thủ tục về đầu tư và đất đai còn phức tạp, có điểm chưa hợp lý dẫn đến việc thực hiện dự án kéo dài.

- Một số điểm đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại vị trí mặt đường trực chính của xã mà không tiến hành đầu tư hạ tầng để khai thác quỹ đất liền kề sau vị trí mặt đường theo quy hoạch là chưa phù hợp, tạo ra quỹ đất

xen kẽ, gây khó khăn trong công tác quản lý đất đai và làm giảm giá trị quyền sử dụng đất.

- Công tác đề xuất, thẩm định diện tích sử dụng đất của các dự án đầu tư SXKD đưa vào danh mục dự án sử dụng đất hàng năm trình HĐND tỉnh còn hạn chế.

- Một số dự án xây dựng khu dân cư tập trung ở các xã giáp ranh thành phố Nam Định chưa xem xét sự phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Nam Định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8.2. Về danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2020

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh:

- Hủy bỏ 12 công trình, dự án tại huyện Xuân Trường và huyện Ý Yên với tổng diện tích 9,56 ha, trong đó: 9,56 ha đất nông nghiệp (đất trồng lúa 9,56 ha) do có 6 dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tổng diện tích 4,2 ha (đất trồng lúa 4,2 ha) đã được HĐND chấp thuận nhưng đã quá 03 năm không triển khai thực hiện, 5 dự án đất thương mại dịch vụ với tổng diện tích 4,1 ha (đất trồng lúa 4,1 ha) đã được HĐND chấp thuận tuy nhiên nay không còn nhu cầu sử dụng đất đề nghị hủy bỏ, 1 dự án đất ở với diện tích 1,26 ha điều chỉnh từ danh mục chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa sang danh mục thu hồi đất.

- Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2020 với 188 công trình, dự án, tổng diện tích 142,83 ha, gồm: 122,68 ha đất nông nghiệp (có 107,25 ha đất trồng lúa;...); 19,67 ha đất phi nông nghiệp và 0,48 ha đất chưa sử dụng.

- Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa năm 2020 gồm 216 công trình, dự án, tổng diện tích 305,99 ha, gồm: 295,46 ha đất nông nghiệp (trong đó có 288,93 ha đất trồng lúa;...); 10,38 ha đất phi nông nghiệp và 0,15 ha đất chưa sử dụng.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với Tờ trình của UBND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành có liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Đẩy nhanh việc thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với các dự án có vi phạm pháp luật về đất đai đã được phát hiện, kiến nghị xử lý, các dự án được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đầu tư, chậm đưa đất vào sử dụng. Kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án sử dụng đất sai quy hoạch và mục đích sử dụng đất được duyệt; chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái thẩm quyền và những dự án không được gia hạn thời gian thực hiện hoặc đã hết thời gian gia hạn vẫn chưa đưa đất vào sử dụng.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát kỹ các danh mục công trình dự án đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch liên quan.

- Sở Tài nguyên và Môi trường nâng cao chất lượng thẩm định nhu cầu sử dụng đất của các dự án đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả nhất là đối với các dự án của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Rà soát danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở. Tham mưu cho UBND tỉnh quyết định cho phép thực hiện đấu giá đất ở đối với những thửa đất nhỏ lẻ, xen kẽ; những khu đất đã có hạ tầng, không tiến hành đấu giá đất ở những khu đất có đủ điều kiện quy hoạch điểm, khu dân cư tập trung mà chưa đầu tư xây dựng hạ tầng.

- Chỉ đạo các sở ngành liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn mới của các xã có liên quan đến phạm vi quy hoạch thành phố Nam Định để đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Nam Định, làm căn cứ để thẩm định danh mục dự án sử dụng đất hàng năm.

9. Đề án xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024.

Việc xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định được thực hiện theo quy định tại Điều 114, Luật Đất đai năm 2013 và được xây dựng theo các nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều 112 Luật Đất đai năm 2013.

So với bảng giá các loại đất giai đoạn 2015-2019, dự kiến giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2025 như sau: (1) Giá đất nông nghiệp vẫn giữ ổn định, không tăng giá; (2) giá đất ở tăng trung bình 1,5 - 2,0 lần; đối với các đoạn đường, khu vực có sự thay đổi hoàn toàn, được đầu tư nâng cấp về hạ tầng, kỹ thuật tăng trung bình từ 2,0 - 5,0 lần; bổ sung giá đất còn thiếu của các vị trí trong bảng giá đất ở giai đoạn 2015 - 2019, bổ sung giá đất của các đoạn đường khu vực cải tạo, làm mới; (3) giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp ngoài khu, cụm công nghiệp, khu du lịch vẫn giữ nguyên tỷ lệ và cách chia như giai đoạn 2015 - 2019; (4) giá đất tại các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch tăng trung bình 1,5 lần đối với đất trên địa bàn các huyện và tăng trung bình 2,0 lần đối với đất trên địa bàn thành phố Nam Định so với bảng giá đất giai đoạn 2015 - 2019; (5) bổ sung thêm giá tính cho 06 loại đất, gồm: đất nông nghiệp khác; đất phi nông nghiệp khác; đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất công cộng, đất nghĩa trang, nghĩa địa có mục đích kinh doanh; đất bằng chưa sử dụng; đất mặt nước ven biển có mục đích khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 do UBND tỉnh trình và đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm và xác định giá đất cụ thể phù hợp với thực tế nhằm hạn chế tối đa thất thu ngân sách của các khoản thu từ đất.

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

10. Về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh ban hành tiêu chí xác định dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Nam Định được ban hành trên cơ sở quy định tại Điều b, khoản 5, Điều 17 và Điều b, khoản 2, Điều 91, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Tuy nhiên, ngày 13/6/2019 Quốc hội khóa 14 đã ban hành Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và thay thế Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Theo đó Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh không còn hiệu lực thi hành khi Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 hết hiệu lực theo quy định.

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành đối với Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh là đúng quy định tại Điều 143, Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí, đề nghị HĐND tỉnh thông qua.

11. Về việc phân cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nam Định

Khoản 7, Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020) quy định: *HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với các chương trình, dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý....* Đồng thời cũng có quy định: *trong trường hợp cần thiết, HĐND quyết định việc giao cho UBND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản này phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.*

Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc phân cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nam Định theo hướng: HĐND tỉnh phân cấp cho UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15,0 tỷ đồng sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Nam Định, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019.

Việc phân cấp này đảm bảo thẩm quyền của HĐND, tăng tính chủ động của UBND tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí, đề nghị HĐND tỉnh thông qua.

12. Về các dự án đầu tư công

UBND tỉnh trình HĐND cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với 01 dự án nhóm B và quyết định chủ trương đầu tư đối với 02 dự án nhóm B. Cụ thể như sau:

12.1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại các điểm trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại các điểm trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để UBND tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ, ngành liên quan thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Đây là dự án nhóm B do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư dự kiến 80.988 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 50% từ Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc các đối tượng công ích giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 03/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, số vốn còn lại được bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; thời gian thực hiện dự án 2019-2020. Địa điểm thực hiện: tại Huyện Vụ Bản 02 điểm (*thôn La Hào và núi Tiên Hương, xã Kim Thái*); tại huyện Nam Trực 02 điểm (*xóm 12 và thôn Đại An, xã Nam Thành*).

Mục tiêu chung của dự án là xử lý triệt để ô nhiễm và phục hồi môi trường tại 04 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. Đây là 04 điểm tồn lưu hóa chất BVTV ở mức độ ô nhiễm môi trường cao, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và hệ sinh thái quanh khu vực cần phải ưu tiên xử lý và nằm trong danh mục các dự án được hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp môi trường theo Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 03/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020.

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và đã được Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến đồng ý về chủ trương đầu tư.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí và đề nghị UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương và có kế hoạch bố trí vốn phần ngân sách tỉnh nhằm đảm bảo hoàn thành đồng bộ dự án theo chủ trương đầu tư được duyệt, phát huy hiệu quả đầu tư. Đồng thời, đảm bảo sự hợp tác, đồng thuận của các hộ dân đang sinh sống thuộc phạm vi của dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc việc quan trắc môi trường trong và sau khi dự án hoàn thành.

12.2. Đối với 02 dự án nhóm B trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư

*** Dự án xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên**

Đây là dự án nhóm B do UBND huyện Ý Yên làm chủ đầu tư, có tổng chiều dài tuyến đường được xây dựng khoảng 7,3km theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (gồm tuyến chính dài khoảng 5,6km; tuyến nhánh dài khoảng 1,7km và các công trình trên tuyến...) nhằm phục vụ phát triển đô thị, công nghiệp thuộc các xã Yên Bằng, Yên Tiến, Yên Khang, Yên Hồng (huyện Ý Yên), đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, nâng cao năng lực vận tải, vận chuyển hàng hóa, phục vụ phát triển KT-XH, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch được duyệt. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án là 280,228 tỷ đồng; thời gian thực hiện dự án: 2020-2024. Nguồn vốn, gồm: ngân sách tỉnh, nguồn đầu giá quyền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện Ý Yên và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Dự án xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê tả Đáy đến đường 57B huyện Ý Yên đã được Thường trực Tỉnh ủy; UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho phép lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Dự án đủ điều kiện để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo. Vị trí điểm đầu và cuối tuyến chính có điều chỉnh so với Quy hoạch đô thị mới thuộc địa phận 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, Huyện Ý Yên đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 955/QĐ-UBND ngày 09/5/2019. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND huyện Ý Yên báo cáo UBND tỉnh cho phép cập nhật vào Quy hoạch cho phù hợp.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với chủ trương đầu tư dự án, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

*** Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vũ Bản.**

Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo là dự án nhóm B do UBND huyện Vũ Bản làm chủ đầu tư, có tổng chiều dài tuyến đường được xây dựng khoảng 10,5km (gồm đoạn 1 dài khoảng 4,6km theo tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng; đoạn 2 dài khoảng 5,9km theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng và các công trình trên tuyến...) nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, nâng cao năng lực vận tải, vận chuyển hàng hóa, phục vụ phát triển KT-XH, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch được duyệt. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án là 168,367 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư từ: nguồn đầu giá quỹ đất trên địa bàn huyện Vũ Bản và các nguồn vốn hợp pháp khác; địa phương chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng và xây dựng rãnh dọc đoạn qua khu dân cư; thời gian thực hiện dự án: 2020 - 2024.

Dự án đã được Thường trực Tỉnh ủy; UBND tỉnh đồng ý chủ trương đầu tư tại văn bản số 137/TB-UBND ngày 09/9/2019; đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Dự án đủ điều kiện để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với chủ trương đầu tư dự án. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

13. Về dự thảo các Nghị quyết

Dự thảo các Nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thuộc lĩnh vực của Ban Kinh tế - Ngân sách thẩm tra được chuẩn bị đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, đã được các cơ quan chức năng thẩm định; nội dung phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và phù hợp với các nội dung của các tờ trình, đề án.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

Noi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu mời dự kỳ họp;
- Lưu: VT.



Trịnh Minh Đức

Số: 58/BC-KTNS

Nam Định, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ
Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định
giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025

Thực hiện chương trình hoạt động năm 2019, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thành lập Đoàn giám sát, xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chuyên đề về “Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025”. Ban đã giám sát trực tiếp tại Sở Công thương; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện: Ý Yên, Xuân Trường và giám sát thông qua báo cáo đối với UBND thành phố Nam Định, UBND các huyện: Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Nam Trực, Trực Ninh, Vụ Bản, Mỹ Lộc. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lập, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định

- Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 17/5/2012, trong đó bao gồm quy hoạch phát triển cụm công nghiệp. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch, thực hiện Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp, UBND tỉnh đã tách riêng quy hoạch phát triển cụm công nghiệp và ban hành Quyết định 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về điều chỉnh quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Xuất phát từ nhu cầu đầu tư phát triển CCN để thu hút nhà đầu tư thứ cấp, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định điều chỉnh diện tích quy hoạch CCN Yên Dương từ 50 ha lên 75 ha, bổ sung quy hoạch CCN làng nghề Hải Vân, xã Hải Vân, huyện Hải Hậu và điều chỉnh phân kỳ thực hiện quy hoạch một số CCN cho phù hợp. Theo đó, tổng số CCN trên địa bàn tỉnh Nam Định được được quy hoạch đến năm 2025 là 57 CCN với tổng diện tích là 1.623,77 ha.

- Theo Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 của UBND tỉnh, đến năm 2020 quy hoạch phát triển 10 khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 2039,5 ha. Hiện nay, Quy hoạch phát triển các KCN tỉnh Nam

Định đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chấp thuận tại văn bản số 2343/Ttg-KTN ngày 24/11/2014, trong đó tỉnh Nam Định quy hoạch phát triển 09 KCN với tổng diện tích là 2.082 ha.

- Việc tổ chức công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đã được thực hiện đúng quy định; nội dung quy hoạch được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng; công khai đến các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện và thành phố.

2. Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định

2.1. Tình hình thực hiện giải pháp và cơ chế chính sách phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Trong thời gian qua, UBND tỉnh tích cực triển khai các giải pháp, cơ chế chính sách để thực hiện phát triển công nghiệp trên địa bàn. UBND tỉnh đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh¹; thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư; tổ chức các buổi đối thoại, tiếp xúc trao đổi với các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tiếp nhận phản ánh kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp. Thông qua các chương trình khuyến công và các chương trình lồng ghép như đào tạo nghề, xây dựng nông thôn mới của các ngành và UBND các huyện, thành phố đã hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cải tiến, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, quảng bá sản phẩm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh góp phần tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp ở nông thôn phát triển. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu mặt hàng nông sản thực phẩm sạch, cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các Hội chợ triển lãm thương mại quốc tế và khu vực, để quảng bá và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, các giải pháp về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường cũng đã được quan tâm thực hiện.

- UBND tỉnh đã tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng góp phần tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp phát

¹ Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/8/2017 thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 01/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 19/10/2018 triển khai Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2018 về thực hiện cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

triển. Hệ thống điện lực, viễn thông, nước sạch cũng từng bước được đầu tư đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Việc thực hiện quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 03 KCN đang hoạt động là KCN Hòa Xá, KCN Bảo Minh, KCN Mỹ Trung với tổng diện tích đất tự nhiên là 590,55 ha, tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 338 ha; 01 KCN đang triển khai xây dựng hạ tầng (KCN dệt may Rạng Đông) và 01 KCN đang thực hiện các thủ tục để đầu tư (KCN Mỹ Thuận). Tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp của KCN Hòa Xá, KCN Bảo Minh là 100%, của KCN Mỹ Trung là 28,4%. Đến tháng 8/2019, trên địa bàn các KCN đã có 175 dự án đầu tư; trong đó có 131 dự án trong nước, với số vốn đăng ký khoảng 8.008 tỷ đồng, vốn thực hiện khoảng 4.480 tỷ đồng, đạt khoảng 55,94% vốn đăng ký và 44 dự án đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký 769,714 triệu USD, vốn thực hiện 520,096 triệu USD, đạt khoảng 67,57% vốn đăng ký. Các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào các KCN chủ yếu thuộc các lĩnh vực: may mặc, dệt nhuộm, dược phẩm, cơ khí, hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng; sản phẩm chủ lực gồm có hàng may mặc xuất khẩu, vải các loại, sợi các loại, thuốc chữa bệnh, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, đồ nhựa gia dụng. (*có bảng biểu kèm theo*).

- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, UBND tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư mở rộng CCN Đồng Côi (huyện Nam Trực) và CCN Xuân Tiến (huyện Xuân Trường); thành lập và triển khai xây dựng CCN Yên Dương (huyện Ý Yên), CCN Thịnh Lâm (huyện Giao Thủy), CCN Thanh Côi (huyện Vụ Bản), CCN Yên Bằng (huyện Ý Yên) và CCN làng nghề Hải Vân (huyện Hải Hậu) với tổng diện tích 216,66 ha, tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật là 2.062,2 tỷ đồng. Đến nay, đã có 24 CCN được thành lập với tổng diện tích 534,96 ha; trong đó 19 CCN đã đi vào hoạt động với diện tích 352,5 ha, tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 175,98 ha, lấp đầy 85% tổng diện tích đất công nghiệp đã thu hồi có thể cho thuê. Tổng số các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư vào các CCN trên địa bàn tỉnh là 485 đơn vị, tổng số vốn đăng ký là 3.155,5 tỷ đồng, đã thực hiện 2.879,07 tỷ đồng (đạt 91%).

- Qua khảo sát của Sở Công thương, trên địa bàn tỉnh có 218 điểm công nghiệp có diện tích từ 1,5 ha trở lên với tổng diện tích 2270,9 ha.

2.3. Thực trạng phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2011-2019

- Giai đoạn 2011-2015 (theo giá so sánh 1994):

+ Ngành cơ khí, điện tử và gia công kim loại đạt tốc độ tăng bình quân giá trị SXCN là 18,4%/năm; năm 2015 chiếm tỷ trọng 26,3% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Ngành dệt may, da giày đạt tốc độ tăng bình quân 23,1%/năm; năm 2015 chiếm 32,8% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống đạt tốc độ tăng bình quân 16,3%/năm; năm 2015 chiếm 6,1% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Ngành sản xuất vật liệu xây dựng đạt tốc độ tăng bình quân 17,6%/năm; năm 2015 chiếm 4,6% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Ngành công nghiệp hoá chất đạt tốc độ tăng bình quân 24,3%/năm; năm 2015 chiếm 3,6% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Ngành chế biến gỗ, giấy và lâm sản đạt tốc độ tăng bình quân 27,8%/năm; năm 2015 chiếm 17,6% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

+ Các ngành sản xuất công nghiệp khác tăng trưởng bình quân 25,1%/năm; năm 2015 chiếm 9% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành.

- Giai đoạn 2015-2019 (theo giá so sánh 2010):

+ Ngành cơ khí chế tạo, điện, điện tử, gia công kim loại: sản xuất, gia công sản phẩm kim khí, dây lưỡi thép, sản phẩm phục vụ xây dựng; sản phẩm gia dụng ... sản xuất ổn định và có sự tăng trưởng ở một số ngành nghề sản xuất. Sản phẩm phụ tùng xe có động cơ, máy móc cơ khí phục vụ xây dựng và sản xuất nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân 13,9%/năm, chiếm 23,3% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành, năm 2015 có 21.156 người, đến nay ước khoảng 28.000 người chiếm 13,8% tổng số lao động công nghiệp

+ Ngành dệt, sản xuất trang phục, da giày là ngành sản xuất ổn định và giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân 14,86%/năm, chiếm 49% giá trị sản xuất công nghiệp. Trong đó: sản phẩm sợi các loại tăng trưởng bình quân 11,3%, vải các loại tăng bình quân 11%, quần áo may sẵn tăng bình quân 12,7%, khăn các loại tăng bình quân 9,9%. Số lao động trong ngành dệt may năm 2015 có 80.282 người, đến nay có trên 103.000 người chiếm 51,2% tổng số lao động công nghiệp.

+ Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống có sự phát triển tốt ở một số huyện Hải Hậu, Trực Ninh, Giao Thủy, Thành phố Nam Định... Tốc độ tăng trưởng bình quân 3,74%/năm, chiếm 3,5% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành năm 2015 có 15.541 người, đến nay ước khoảng 18.000 người chiếm 8,9% tổng số lao động công nghiệp.

+ Ngành sản xuất vật liệu xây dựng giảm bình quân 0,59%/năm chiếm 2,5% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành năm 2015 có 5.353

người, đến nay ước khoảng 5.600 người, chiếm 2,8% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp.

+ Ngành sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu duy trì sản xuất tốt, hình thành và phát triển nhiều vùng trồng cây dược liệu phục vụ cho các cơ sở sản xuất thuốc trong và ngoài tỉnh... Tốc độ tăng trưởng bình quân 3,6%/năm, chiếm 2% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành năm 2015 có 1.241 người, đến nay ước khoảng 1.400 người chiếm 0,7% tổng số lao động công nghiệp.

+ Ngành chế biến gỗ, giấy và lâm sản đạt tốc độ tăng bình quân 5,97%/năm, chiếm 5% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành năm 2015 có 16.159 người đến nay ước khoảng 15.200 người, chiếm 7,5% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp.

+ Các ngành sản xuất công nghiệp khác tăng trưởng bình quân 18,76%/năm, chiếm 14,8% giá trị sản xuất công nghiệp. Số lao động trong ngành năm 2015 có 28.417 người, đến nay ước khoảng 30.600 người chiếm 15,2% tổng số lao động công nghiệp.

(Có bảng biểu kèm theo)

*Đánh giá chung

Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã góp phần tích cực giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động ở khu vực nông thôn. Kết quả đó đã góp phần vào việc sớm hoàn thành chương trình xây dựng Nông thôn mới của các địa phương trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp đã và đang thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh về khu vực nông thôn, điển hình là các huyện Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, góp phần dịch chuyển cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp. Đến nay, khu vực nông thôn đã có 105 dự án đầu tư mới có vốn trong nước với tổng số vốn đầu tư thực hiện là 6.188,3 tỷ đồng, thu hút được 38.397 lao động; 72 dự án đầu tư có vốn nước ngoài, vốn đầu tư thực hiện là 156,58 triệu USD, thu hút 29.160 lao động.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

1.1. Về thực hiện phát triển ngành công nghiệp

- Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế của tỉnh chưa đạt được so với mục tiêu của Quy hoạch đề ra².

² Theo mục tiêu của quy hoạch, năm 2015, công nghiệp chiếm 30,7% GRDP nền kinh tế và đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp chiếm 36,5% GRDP nền kinh tế tỉnh. Tuy nhiên, năm 2015 công nghiệp chiếm tỷ trọng 25,27% GRDP, dự kiến năm 2020 nghiệp chiếm tỷ trọng 31% GRDP, thấp hơn so với mục tiêu của quy hoạch.

- Một số nội dung trong Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh chưa được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời³.

- Mặc dù là tính trọng điểm phát triển nông nghiệp miền Bắc, tuy nhiên chưa thu hút được các dự án lớn đầu tư vào một số lĩnh vực tỉnh có tiềm năng như: chế biến nông, thủy, hải sản, thức ăn gia súc...; trang thiết bị, công nghệ của nhiều doanh nghiệp, hộ sản xuất còn lạc hậu, chưa có nhiều doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong sản xuất.

- Ngành cơ khí, điện, điện tử được xác định là ngành mũi nhọn và chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng thấp. Đặc biệt là cơ khí đóng mới tàu thuyền, lắp ráp xe máy gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp phá sản, ngừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng.

- Một số dự án đầu tư quan trọng phát triển công nghiệp của tỉnh chậm tiến độ như: Nhà nhiệt điện Hải Hậu với quy mô công suất 2.400 MW chưa được đầu tư xây dựng, một số KCN chậm hoàn thành hoặc còn vướng mắc trong quá trình đầu tư xây dựng....

- Chưa thu hút được nhiều dự án lớn, dự án về công nghiệp hỗ trợ, dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Tổng diện tích của các điểm công nghiệp tại các huyện, thành phố lớn hơn diện tích các CCN hiện có. Tuy nhiên, tỉnh chưa có cơ chế quản lý riêng đối với các điểm công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh rất khó bố trí quỹ đất để đáp ứng nhu cầu đầu tư dự án có quy mô lớn.

1.2. Về thực hiện phát triển các KCN, CCN

- Trong quy hoạch phát triển KCN đến năm 2020, tỉnh Nam Định có 09 KCN, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại mới triển khai xây dựng được 04 KCN, trong đó mới có KCN Hòa Xá, KCN Bảo Minh lấp đầy diện tích đất thương phẩm; KCN Mỹ Trung đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng dở dang; KCN dệt may Rạng Đông thì đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng.

- Chất lượng công tác quy hoạch KCN và triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt còn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển (quy hoạch KCN Hòa Xá⁴); yếu tố liên kết vùng và ngành, tiềm năng, lợi thế của địa phương và của vùng trong Quy hoạch còn hạn chế. Do vậy trong công tác triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch gặp nhiều khó khăn, làm phát sinh nhu cầu điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã duyệt.

³ Chưa điều chỉnh các chỉ số phát triển công nghiệp theo giá so sánh năm 2010 và cập nhật danh mục các KCN, CCN khi điều chỉnh, bổ sung trong kỳ Quy hoạch.

⁴ Khu công nghiệp Hòa Xá có diện tích 327 ha là KCN đầu tiên của tỉnh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ năm 2003 từ nguồn vốn ngân sách nhưng là khu công nghiệp mở (Nằm hai bên đường tránh QL10 và còn xen lẫn khu dân cư), hạ tầng đầu tư chưa được đồng bộ.

- Công tác bảo vệ môi trường tại các KCN, CCN vẫn còn nhiều tồn tại: KCN Mỹ Trung chưa xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; hệ thống xử lý nước thải của KCN Hòa Xá chưa đảm bảo nhu cầu xử lý nước thải hiện tại, dự án xử lý nước thải giai đoạn II triển khai chậm; trong 19 CCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh mới chỉ có 03 CCN có hệ thống xử lý nước thải trong đó chỉ có 02 công trình hoạt động, còn lại các CCN đều chưa xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải...

- Công tác quản lý CCN trên địa bàn trong thời gian qua còn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; nhiều CCN còn vi phạm về quy hoạch xây dựng, đất đai, chậm đầu tư hoàn thiện hạ tầng... điều đáng quan tâm hiện nay là một số CCN được đầu tư xây dựng từ trước năm 2010 vi phạm quy hoạch đất đai, xây dựng nên thực tế đã trở thành làng nghề, khu dân cư. Vai trò của Trung tâm phát triển CCN tại các huyện trong quản lý CCN trên địa bàn còn hạn chế.

- Hạ tầng giao thông kết nối với các trục giao thông chính ở một số khu, cụm công nghiệp còn chưa được thuận lợi. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN, CCN chưa đáp ứng kịp thời tiến độ thu hút đầu tư.

- Các dự án đầu tư thứ cấp vào các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh phần lớn có quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp, chủ yếu là các dự án đầu tư công nghệ thông thường, thu hút lao động có tay nghề thấp, mức đóng góp vào phát triển kinh tế của tỉnh còn hạn chế⁵.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Vị trí địa kinh tế kém thuận lợi hơn so với các địa phương trong khu vực, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, gây khó khăn trong việc thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp.

- Các CCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được xây dựng, hình thành trước khi có Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp. Phần lớn các CCN được quy hoạch với quy mô nhỏ, chủ yếu nhằm di dời các cơ sở sản xuất trong khu vực tại các làng nghề sản xuất CN-TTCN. Ngân sách nhà nước dành cho việc hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng CCN trong giai đoạn trước đây còn hạn hẹp do đó việc triển khai hạ tầng kỹ thuật các CCN phục vụ cho sản xuất còn thiếu đồng bộ; đặc biệt là việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật về BVMT.

- Do ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, một số ngành công nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ giảm.

- Công tác giải phóng mặt bằng xây dựng một số CCN, dự án sản xuất công nghiệp còn khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới tiến độ triển khai của dự án.

⁵ Năm 2018, thu ngân sách tỉnh từ các KCN trên địa bàn tỉnh mới đạt 310 tỷ đồng.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trong kỳ quy hoạch, tỉnh chưa ban hành được nhiều cơ chế, chính sách riêng để thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch. Một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp đã được ban hành từ lâu nên không còn phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hiệu quả chưa cao nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời⁶. Công tác lập và triển khai thực hiện một số Quy hoạch có liên quan đến Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, thiếu tính đồng bộ giữa các quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch chậm.

- Tổ chức bộ máy, năng lực quản lý nhà nước đối với các CCN trên địa bàn tỉnh chưa cao, chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có giải pháp đồng bộ và sự chỉ đạo quyết liệt trong việc đầu tư hạ tầng các CCN đáp ứng các tiêu chí theo quy định, tạo điều kiện thu hút, hấp dẫn nhà đầu tư.

- Năng lực của một số chủ đầu tư các KCN, CCN còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, hoàn thiện hạ tầng, quản lý phát triển cũng như thu hút các dự án sản xuất kinh doanh vào các KCN, CCN.

- Công tác xúc tiến và thu hút đầu tư còn hạn chế: chưa tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư có quy mô lớn; hoạt động của Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả chưa cao nhất là trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo rà soát những cơ chế, chính sách về khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh đã ban hành để sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật hiện hành; có cơ chế quản lý chặt chẽ các điểm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt thực hiện cải cách hành chính và đẩy mạnh các chương trình xúc tiến, thu hút đầu tư; huy động nhiều nguồn vốn của các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kinh tế kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁶ Quyết định số 2816/2001/QĐ-UB ngày 29/11/2001 của UBND tỉnh về việc ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển KCN phía Tây thành phố Nam Định; Quyết định số 2702/2004/QĐ-UBND ngày 25/10/2004 của UBND tỉnh về việc quy định chi tiết tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích đầu tư vào KCN Hòa Xá theo quyết định số 2816/2001/QĐ-UB của UBND tỉnh Nam Định; Quyết định số 174a/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung trong cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN tỉnh Nam Định; Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 22/5/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và đầu tư sản xuất kinh doanh trong các KCN tỉnh Nam Định; Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 về việc khuyến khích, hỗ trợ đối với dự án đầu tư có vốn lớn, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 3074/2005/QĐ-UB ngày 10/10/2005 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KCN Mỹ Trung do Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam làm chủ đầu tư; Quyết định số 1593/2006/QĐ-UBND ngày 11/7/2006 của UBND tỉnh về cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển cụm công nghiệp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thuận; CCN Yên Bằng, CCN Thanh-Cô; báo cáo Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan sớm chỉ đạo và có giải pháp giải quyết việc chuyển giao nhà đầu tư hạ tầng KCN Mỹ Trung để tháo gỡ nút thắt trong việc xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào KCN này nói riêng, thu hút đầu tư vào tỉnh Nam Định nói chung.

- Chỉ đạo các sở ngành liên quan tham mưu, xây dựng và ban hành cơ chế quản lý các CCN, điểm công nghiệp tại các huyện, thành phố nhằm đảm bảo quản lý thống nhất, có hiệu quả trong thực hiện phát triển CCN, điểm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các Sở, ngành chuyên môn phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai... tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đảm bảo kết nối thuận lợi đến các khu, cụm công nghiệp và các dự án hạ tầng kinh tế khác, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

2. Đối với Sở Công thương

- Tranh thủ sự ủng hộ của các bộ ngành Trung ương để tham mưu lập dự án xúc tiến đầu tư cụ thể; đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, đặc biệt là công tác truyền thông.

- Tổ chức rà soát việc thực hiện Quy hoạch để tham mưu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Tham mưu các giải pháp để quản lý tốt việc phát triển cụm công nghiệp theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

3. Đối với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

- Thực hiện các giải pháp để khắc phục những tồn tại tại các KCN đang hoạt động.

- Rà soát quy hoạch KCN trên địa bàn để tham mưu cho UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp. Đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục mở rộng KCN Bảo Minh; đôn đốc Chủ đầu tư tích cực đầu tư hoàn thiện hạ tầng KCN Rạng Đông nhằm tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư.

- Phối hợp tốt với các sở ngành liên quan trong công thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai... tại các khu công nghiệp.

4. Đối với UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp chặt chẽ với sở, ngành liên quan trong công tác xúc tiến đầu tư; chủ động có kế hoạch và tổ chức các hoạt động nhằm thu hút đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan trong việc quản lý, giám sát các chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư sản xuất công nghiệp và trong công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai... tại các cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp và điểm công nghiệp trên địa bàn.

Trên đây là kết quả giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025”, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu mời dự kỳ họp;
- Các đơn vị được giám sát;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Trịnh Minh Đức

Biểu số 01

BẢNG THỐNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2020

(Kèm theo Báo cáo số 58/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Chuyên ngành công nghiệp	Số cơ sở SXCN			Số lao động sử dụng (Người)			Giá trị SXCN (Tỷ đồng)			Tăng trưởng GTsxCN bình quân (theo giá CĐ ~ 1994) giai đoạn 2011- 2015 (%)	Tăng trưởng GTsxCN bình quân (theo giá SS2010) giai đoạn 2016- 2020 (%)
		Năm 2010	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	Năm 2010	Năm 2019	Dự kiến năm 2020	Năm 2010 (Theo giá CĐ 1994)	Năm 2019 (Theo giá SS 2010)	Dự kiến năm 2020 (Theo giá SS 2010)		
1	Cơ khí chế tạo, điện, điện tử và gia công kim loại	3.559	5.981	5.995	19.081	27.782	28.000	2.788	22.189	24.652	18,40	13,90
2	Dệt, sản xuất trang phục, da giày	6.016	4.889	4.900	51.095	102.985	103.000	3.777	29.116	32.843	23,11	14,86
3	Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống	6.690	8.241	8.250	12.571	17.913	18.000	685	2.287	2.620	16,30	3,74
4	Công nghiệp vật liệu xây dựng	795	663	650	9.852	5.618	5.600	541	1.493	1.595	17,57	-0,59
5	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	116	107	107	1.624	1.410	1.400	511	1.389	1.516	24,26	3,60
6	Công nghiệp gỗ giấy, lâm sản	6.985	7.147	7.200	17.858	15.098	15.200	1.308	3.320	3.463	27,79	5,97
7	Sản xuất công nghiệp khác	10.930	7.762	7.800	31.438	30.520	30.600	457	12.072	16.071	25,07	18,76
Toàn ngành công nghiệp		35.091	34.790	34.902	143.519	201.326	201.800	10.067	71.866	82.760		

Biểu số: 02

BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số 58/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Khu công nghiệp	Ngành nghề	Diện tích (ha)				Số doanh nghiệp đầu tư vào KCN hoạt động		Số lao động sử dụng		Giá trị SXCN (tỷ đồng)		
			Tổng diện tích	Diện tích đất CN	Diện tích đất CN đã GPMB	Diện tích đất (CN) đã cho thuê	Năm 2010	Đến thời điểm 31/8/2019	Năm 2010	Đến thời điểm 31/8/2019	Năm 2010	Năm 2018	Đến thời điểm 31/8/2019
1	KCN Hòa Xá	Đa ngành nghề	285,37	204,339	285,37	204,339	110	125	18.551	28.847	1.719	12.380	8.809
2	KCN Mỹ Trung	Đa ngành nghề	150,68	103,10	150,68	29,27	12	14	1.455	3.796	185	906	1.181
3	KCN Bảo Minh	Đa ngành nghề	155	104,3691	165,1657	104,3691	1	15	12.069	12.069	0	5.714	5.099
4	KCN dệt may Rạng Đông	Trọng tâm là dệt may	519,6	332,41	519,6	0	0	1	0	0	0	0	0
Tổng			1110,65	744,2181	1120,8157	337,9781	123	155	32.075	44.712	1.904	19.000	15.089

Số: 57/BC-KTNS

Nam Định, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định và chương trình hoạt động năm 2019, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả hoạt động như sau:

1. Về hoạt động giám sát, thẩm tra

1.1. Giám sát thường xuyên trước kỳ họp

Năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định tỉnh khóa XVIII đã tổ chức 02 kỳ họp bất thường và 02 kỳ họp thường lệ. Trước các kỳ họp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã xây dựng kế hoạch và tiến hành các cuộc giám sát, thẩm tra tại các sở, ngành để thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế - ngân sách trình tại kỳ họp theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh:

- Trước kỳ họp thứ tám và kỳ họp thứ mười (kỳ họp bất thường) HĐND tỉnh khóa XVIII, Ban Kinh tế - Ngân sách đã xây dựng kế hoạch để thẩm tra 27 tờ trình, dự thảo Nghị quyết (trong đó 09 tờ trình, dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp thứ tám và 18 tờ trình, dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp thứ mười). Ban đã làm việc trực tiếp với các Sở ngành có liên quan và tổ chức khảo sát một số dự án UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Trước kỳ họp thứ chín HĐND tỉnh khóa XVIII, Ban Kinh tế - Ngân sách đã xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát trực tiếp 05 Sở, ngành có liên quan. Ban đã chủ trì thẩm tra các nội dung trình tại kỳ họp thứ chín gồm: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019 tỉnh Nam Định; Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2019 và 06 nội dung trình HĐND tỉnh ra Nghị quyết về: (1) Bãi bỏ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 03/8/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2004-2009 về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; (2) Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư 05 dự án đầu tư công; (3) Quyết định tỷ lệ phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao

thông; (4) Phương án phân bổ vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định; (5) Điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; (6) Bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; danh mục công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa dưới 10 ha thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2019; điều chỉnh diện tích, tên chủ đầu tư, tên dự án trong danh mục trong công trình dự án HĐND tỉnh thông qua.

- Trước kỳ họp thứ mười một HĐND tỉnh khóa XVIII, Ban Kinh tế - Ngân sách đã xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát trực tiếp 07 Sở, ngành có liên quan để thẩm tra 02 báo cáo và 13 tờ trình, đề án, dự thảo Nghị quyết bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020 tỉnh Nam Định; Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019; (1) Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2019, kế hoạch đầu tư công năm 2020; (2) Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018; (3) Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020; (3) Danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; (4) Danh mục dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; (5) Đề án xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024; (6) Các dự án đầu tư công, trình HĐND tỉnh cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư; (7) Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; (8) Việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành; (9) Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định đến năm 2040; (10) Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình và vùng nguồn nước bị ô nhiễm; (11) Về việc bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019; (12) Ban hành Nghị quyết về việc phân cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; (13) Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước.

Ban cũng đã tiến hành giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 71/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2018. Kết quả giám sát được báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh.

1.2. Giám sát chuyên đề

Thực hiện chương trình công tác năm 2019, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã thực hiện giám sát chuyên đề: “Việc thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025” trong tháng 10 và tháng 11 năm 2019. Ban đã tổ chức giám sát trực tiếp

tại Sở Công thương, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và UBND các huyện: Xuân Trường, Ý Yên; Giám sát thông qua báo cáo đối với UBND thành phố Nam Định và các huyện: Hải Hậu, Nam Trực, Mỹ Lộc, Vụ Bản, Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Giao Thủy. Sau khi giám sát tại các cơ quan, Ban đã xây dựng báo cáo kết quả giám sát chuyên đề trình tại kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh.

1.3. Tham gia hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh

- Trong năm 2019, Ban Kinh tế - ngân sách đã trực tiếp tham mưu cho thường trực HĐND tỉnh tổ chức 04 đợt giám sát gồm: giám sát chuyên đề “Tình hình hoạt động của các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi và công tác quản lý, sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí giai đoạn 2015-2018”; giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về: Tình hình và tiến độ thực hiện Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 hai bên tuyến đường bộ mới Nam Định – Phủ Lý đến năm 2015, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 hai bên tuyến đường dẫn cầu Tân Phong đến năm 2025, quy hoạch phân khu chức năng hai bên tuyến đường Lê Đức Thọ, thành phố Nam Định; Tình hình và tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Nam Định; Việc thực hiện thủ tục, tiến độ triển khai các dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp đường An Thắng, huyện Nam Trực, dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đέ thuộc hệ thống thủy nông huyện Vụ Bản, Dự án nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính) thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy huyện Xuân Trường, Dự án xây dựng khu dân cư xã Trực Thái huyện Trực Ninh, Dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đào Thượng xã Nghĩa Châu huyện Nghĩa Hưng, Dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Nghĩa Trung huyện Nghĩa Hưng; Tình hình và tiến độ thực hiện việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất, phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2019 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Lãnh đạo Ban Kinh tế - Ngân sách đã tham gia tích cực hoạt động giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh về “Tình hình hoạt động của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019” và giám sát một số Nghị quyết của HĐND tỉnh do Ban Pháp chế, Ban Văn hóa – xã hội tham mưu cho Thường trực HĐND tỉnh.

- Rà soát và giám sát kết quả việc giải quyết kiến nghị của cử tri, của đại biểu HĐND tỉnh, kết quả thực hiện của người trả lời chất vấn, kết quả thực hiện sau giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh năm 2018 liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất với Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về các nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp có liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách như: Phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2018; phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng.....

2. Các hoạt động khác

- Giúp đỡ, hướng dẫn HĐND các huyện, thành phố về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách.

- Lãnh đạo Ban thực hiện đầy đủ các buổi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh và các cuộc tiếp công dân tại địa bàn ứng cử theo lịch tiếp công dân của huyện.

- Tham gia đầy đủ hội nghị, lớp tập huấn về kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng dân dân do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức: Hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực HĐND các huyện, thành phố lần thứ sáu tại Nghĩa Hưng và lần thứ bảy tại Nam Trực, nhiệm kỳ 2016 – 2021. Tham gia Hội nghị giao ban Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố Đồng bằng Sông Hồng và Duyên hải Bắc Bộ lần thứ sáu tại tỉnh Hải Dương và thứ bảy tại tỉnh Hà Nam

- Tổ chức hoạt động trao đổi kinh nghiệm với Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh Thái Nguyên, Hà Giang.

- Thực hiện giám sát thường xuyên các quyết định của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND các huyện, thành phố ban hành năm 2019 thuộc lĩnh vực Kinh tế - ngân sách. Ban đã giám sát 14 quyết định của UBND tỉnh và 143 Nghị quyết của HĐND các huyện, thành phố ban hành tại kỳ họp HĐND huyện cuối năm 2018, các kỳ họp thường lệ và bất thường giữa năm 2019.

- Thực hiện rà soát quy hoạch các chức danh lãnh đạo Ban Kinh tế - ngân sách nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Đánh giá chung

Ban đã hoàn thành các nội dung chương trình hoạt động của năm 2019 đảm bảo chất lượng và tiến độ. Trong quá trình hoạt động, lãnh đạo Ban và các thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách luôn nêu cao ý thức trách nhiệm, dành nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu, tham gia tích cực vào hoạt động của Ban. Hoạt động giám sát, thẩm tra của Ban đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Qua nghiên cứu báo cáo và trao đổi, thảo luận tại các buổi giám sát trực tiếp, Ban có ý kiến và quan điểm, chính kiến đối với các nội dung trình tại kỳ họp thuộc lĩnh vực của Ban và được nêu đầy đủ trong báo cáo thẩm tra trình tại kỳ họp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong hoạt động của Ban Kinh tế - Ngân sách cũng còn một số tồn tại, hạn chế. Đó là: Việc theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Ban chưa quyết liệt. Một số thành viên Ban kiêm nhiệm do bận công việc chuyên môn nên tham gia chưa đầy đủ tại các buổi giám sát, thẩm tra; công tác thẩm tra của Ban có lúc còn lúng túng bị động do việc bổ sung các nội dung trình HĐND tỉnh quá gần ngày tổ chức kỳ họp.

4. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

4.1. Về hoạt động giám sát, thẩm tra

- Xây dựng chương trình giám sát, triển khai thực hiện giám sát, khảo sát để phục vụ hoạt động thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

- Tổ chức giám sát các quyết định của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND các huyện, thành phố thuộc lĩnh vực Kinh tế - ngân sách; Giám sát kết quả việc giải quyết kiến nghị của cử tri, của đại biểu HĐND tỉnh, kết quả thực hiện của người trả lời chất vấn liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - ngân sách.

- Tham mưu để tổ chức thực hiện hoạt động giám sát tình hình triển khai, kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực Kinh tế - ngân sách; xem xét, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

- Dự kiến lựa chọn 1- 2 nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách để thực hiện hoạt động giám sát chuyên đề.

4.2. Các hoạt động khác

- Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình giám sát năm 2020.

- Tham mưu để tổ chức thực hiện giám sát, giải quyết những nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực của Ban theo sự phân công của Thường trực HĐND; tham gia Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh khi được triệu tập hoặc được mời.

- Tham dự các hội nghị, hội thảo do các Ủy ban của Quốc hội, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức; phối hợp chặt chẽ với các Ban, Văn phòng HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trân trọng báo cáo./.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

Noi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



Trịnh Minh Đức